

Bản án số: 45/2021/HNGĐ – ST  
Ngày: 18 - 02 - 2021  
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L**

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Ngọc Nguyên;
2. Bà Lê Thị Thanh Vân.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trương Phi – *Thư ký Tòa án.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Nhựt – *Kiểm sát viên.*

Ngày 18 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 633/2020/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2021/QĐST – HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Thanh B, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số 58/11B, khóm Tây An, phường M, thành phố L, tỉnh A.

*- Bị đơn:* Ông Phạm Thái C, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số 67/27 khóm Hưng Thạnh, phường T, thành phố L, tỉnh A.

(Bà B có đơn xin xét xử vắng mặt; ông C vắng mặt lần thứ hai)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 11/8/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh B trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh B và ông Phạm Thái C quen biết nhờ mai mối sau thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T ngày 21/5/2019. Bà B và ông C chung sống hạnh phúc được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do ông C không có nghề nghiệp ổn

định, chỉ lo tiêu xài cá nhân, không phụ giúp kinh tế gia đình, thường xuyên có lời lẽ xúc phạm cha mẹ vợ. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó bà Phạm Thị Thanh Byêu cầu được ly hôn với ông Phạm Thái C.

- Về quan hệ con chung: Bà B và ông C có 01 (một) con chung tên Phạm Hoàng Phước Thịnh, sinh ngày 07/9/2020. Hiện nay, cháu Thịnh đang sống với bà B. Sau khi ly hôn, bà Byêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn ông Phạm Thái C không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu ly hôn của bà B và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

*\* Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:*

Bà B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt lý do phải đi làm ăn xa, điều kiện đi lại khó khăn nên không về dự tòa được. Ông C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt lý do phải đi làm ăn xa, điều kiện đi lại khó khăn nên không về dự tòa được. Ông C không có ý kiến trình bày và vắng mặt trong quá trình tố tụng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà B và ông C là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Thanh B đối với ông Phạm Thái C.

Về con chung: Do con chung của bà B và ông C là cháu Phạm Hoàng Phước Thịnh, sinh ngày 07/9/2020 hiện nay đang sống với mẹ. Bà B có yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ông C không có ý kiến về con chung. Để đảm bảo ổn định về tinh thần, đảm bảo về quyền lợi về mọi mặt cho cháu Thịnh, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà B.

Về chi phí cấp dưỡng nuôi con: Do bà B không có yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi các con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà B trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

[1.1] Tranh chấp giữa bà Phạm Thị Thanh B và ông Phạm Thái C là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết.

[1.2] Sau khi nhận được quyết định hoãn phiên tòa, bà B có đơn nộp cho Tòa án với nội dung đề nghị xét xử vắng mặt do phải đi làm ăn xa đi lại khó khăn nên không về dự Tòa được. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà B.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo qui định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

## **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh B và ông Phạm Thái C quen biết nhờ mai mối sau thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T ngày 21/5/2019. Bà B và ông C chung sống hạnh phúc được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do ông C không có nghề nghiệp ổn định, chỉ lo tiêu xài cá nhân, không phụ giúp kinh tế gia đình, thường xuyên có lời lẽ xúc phạm cha mẹ vợ. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó bà Phạm Thị Thanh B yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Thái C.

Phía bị đơn được Tòa án nhiều lần niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông C. Tuy nhiên, ông C vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của bà B và không đến tham gia hòa giải. Như vậy, ông C đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng nghĩa với việc ông không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng động viên bà B và tạo thêm thời gian để vợ chồng ông bà có cơ hội để hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, bà B vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn vì từ khi vợ chồng ly thân đến nay ông C không đến thăm nom con chung, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, có thể nhận thấy tình cảm của bà B dành cho chồng không còn, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà B và ông C không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà B được ly hôn với ông C.

[2.2] Về con chung: Bà B và ông C có 01 (một) con chung tên Phạm Hoàng Phước Thịnh, sinh ngày 07/9/2020. Lời khai của bà B phù hợp với bản sao giấy khai sinh số 284 ngày 14/9/2020 do UBND phường M, thành phố L cấp. Xét thấy, thời gian qua cháu Thịnh được bà B trực tiếp nuôi dưỡng và để ổn định đời sống cho cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của nguyên đơn.

Về cấp dưỡng nuôi con, đây là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, do bà B không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà B và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông C được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Việc nuôi con không cố định.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do bị đơn ông C cũng không có ý kiến về việc phân chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] **Về án phí:** Bà Phạm Thị Thanh B phải nộp án phí Hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

*Căn cứ vào:*

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 179; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh B. Bà Phạm Thị Thanh B được ly hôn với ông Phạm Thái C.

2. Về con chung: Bà B và ông C có 01 (một) con chung tên Phạm Hoàng Phước Thịnh, sinh ngày 07/9/2020. Bà B được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung. Ông C không phải cấp dưỡng nuôi con do bà B không có yêu cầu. Bà B cùng các thành viên trong gia đình của mình phải tạo điều kiện cho ông C thăm nom, chăm sóc và giáo dục các con chung. Việc nuôi con không cố định.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Thanh B phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do Bà B đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005653 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, bà B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- UBND p.T;
- Lưu hồ sơ./.

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Minh Trang**